TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1003/2023/HC-PT
Ngày: 28-9-2023
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên
Các Thẩm phán:
1. Ông Trần Quang Phúc
2. Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06, ngày 25 và ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh , xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 12/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2022/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 2662/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10507/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11965/2023/QĐ-PT ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1966; HKTT: xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt khi Tòa án xét xử nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Quang Nthuộc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Luật sư N có mặt khi Tòa án xét xử nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Địa chỉ: C5/36 ấp 3, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh T, sinh năm: 1986 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C; Địa chỉ: C5/36 ấp 3, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 03/9/2022) (Có mặt).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Bà Phạm Thị S – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại P (viết tắt là DNTN P); Trụ sở: ấp 2, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt khi Tòa án xét xử nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2019; đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 05/6/2019, ngày 15/7/2019 và ngày 10/12/2020; các lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện bà Phạm Thị S trình bày:

Bà là Chủ DNTN P có kho xưởng tại địa chỉ ấp 2, xã C, huyện B. Năm 1996 thực hiện theo sự kêu gọi đầu tư của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B nên bà đã làm thủ tục xin phép đầu tư. Đến ngày 01/6/1998 DNTN P do bà làm chủ doanh nghiệp được Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 157/QĐ-KHĐT-KT về việc cấp Giấy phép đầu tư cho DNTN P. Địa điểm đầu tư là tại ấp 2, xã C với diện tích đất 4.108m^2 tại địa chỉ B15/4 Quốc lộ 1A, xã C, huyện B. (tức là thửa 919 tờ bản đồ số 3).

Đến ngày 03/10/1998 giữa DNTN P và Sở Địa chính – Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh ký với nhau Hợp đồng thuê đất số 4553/HĐ-GTĐ có diện tích 4.110m^2 (tức là thửa 919 tờ bản đồ số 3) tại xã C, huyện B để xây dựng cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 17/8/1998.

Đến năm 2001, do bà có nhu cầu mở rộng hoạt động của doanh nghiệp nên bà tiếp tục hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng phần đất liền kề với thửa 919 là thửa 324 và 325 tờ bản đồ số 3 (TL02/CT-UB) tại ấp 2, xã C, huyện B. Trên thực tế, thửa đất 324 và 325 bà đã nhận chuyển nhượng từ năm 1996 và đã xây tường rào gạch xây bao quanh các thửa 919, 324 và 325 từ năm 1996. Đến năm 1998, doanh nghiệp đã bỏ kinh phí ra đổ thêm đất, đá, xây dựng hệ thống hồ chữa cháy, hệ thống thoát nước trên các thửa đất này.

Tuy nhiên do điều kiện kinh tế có giới hạn nên chỉ đầu tư trên thửa 919. Đến năm 2001, khi các hộ gia đình chuyển nhượng đất cho bà đã được cấp giấy chứng nhận nên bà mới hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng thêm 02 thửa đất 324 và 325 có vị trí tiếp giáp liền kề với thửa 919 trên. Ngày 12/10/2001, bà được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 324, 325 này; khi đó, Doanh nghiệp đang có khả năng mở rộng đầu tư nên bà đã đưa thêm tài sản là các thửa đất 324, 325 vào kế hoạch đầu tư mở rộng cho

doanh nghiệp. Mặt khác, năm 2001 doanh nghiệp đã làm thủ tục xin được ưu đãi đầu tư để mở rộng xưởng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống. Cho nên, đến ngày 19/02/2003 DNTN P được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 620/UB-CNN, trong đó ghi nhận dự án khởi công tháng 12/2002, hoàn thành và đưa vào hoạt động tháng 4/2003. Tại Điều 3 của Giấy chứng nhận này cũng ghi rõ "*DNTN Sản xuất thương mại P chỉ được hưởng các ưu đãi nói tại Điều 2 nếu thực hiện đúng và đủ điều kiện: Thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực Đầu tư mở rộng xưởng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống (gỗ chạm trỗ) tại B15/4 Quốc lộ 1A, xã C, huyện B-thành phố Hồ Chí Minh"*

Đến 15/01/2006, xưởng sản xuất gỗ này bị cháy, kinh tế của doanh nghiệp khi đó cũng khó khăn nên tạm ngưng hoạt động. Sau đó, đến năm 2011 doanh nghiệp tiếp tục làm các thủ tục để xin tiếp tục xây dựng lại xưởng, đầu tư kinh doanh trên 02 thửa đất 324, 325.

Đến năm 2013, bất ngờ có sự thay đổi về quy hoạch đất tại địa phương nên việc xin xây dựng lại xưởng trên 02 thửa đất 324, 325 gặp khó khăn.

Xuyên suốt từ năm 2001 cho đến nay, thửa đất 324 và 325 tờ bản đồ số 03 tại xã C, huyện B đã được bà đưa vào đầu tư cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp có sự theo dõi thu chi đối với sự phát sinh lợi ích, thua lỗ xuất phát từ hai thửa đất này. Hơn nữa, công trình nhà xưởng mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND xã C (viết tắt là Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019) và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND xã C (viết tắt là Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020) là tài sản do DNTN P bỏ tiền ra ký hợp đồng giao khoán (V/v Giao khoán vật tư & nhân công) với Công ty TNHH C vào ngày 12/7/2018 và ngày 20/7/2018. Không những vậy, rõ ràng khi giải quyết những khiếu nại của bà trong thời gian qua của các cơ quan có thẩm quyền đều xác định đó là DNTN P đang khiếu nại, chứ không phải là cá nhân bà.

Có thể thấy, từ năm 2001 cho đến nay, hai thửa đất 324, 325 không còn là tài sản của cá nhân bà mà đã được đưa vào hoạt động của Doanh nghiệp P.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 và Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 đối với cá nhân bà là không đúng đối tượng.

Do đó, người khởi kiện bà Phạm Thị S yêu cầu như sau:

- Hủy Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019;
- Hủy Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020;
- Yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã C, huyện B bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S các khoản thiệt hại sau:

+ Bồi thường thiệt hại về công trình mà bà đã bỏ tiền ra xây dựng nhưng không đưa vào sử dụng được với số tiền tạm tính từ ngày 13 tháng 8 năm 2018 đến ngày 01 tháng 7 năm 2019 là 1.069.908.641 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại về giá trị công trình bị ngưng thi công dở dang nên bị xuống cấp ước khoảng: 850.000.000 đồng.

+ Bồi thường giá trị uy tín thương hiệu khoảng: 300.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bồi thường là: 2.219.908.641 đồng.

- Tại phiên tòa, bà Phạm Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là hủy Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 và Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020; rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 2.219.908.641 đồng (Hai tỷ hai trăm mười chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng), trường hợp khi cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác. Bà tự nguyện chịu chi phí tố tụng và đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2019, bản tự khai bổ sung ngày 13/4/2022, các lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án – Người bị kiện Chủ tịch UBND xã C có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Minh T trình bày:

Vị trí khu đất thuộc các thửa 234, 325 tờ bản đồ số 03 TL 02/CT-UB ấp 2 xã C, huyện B; vị trí đất đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCN QSDĐ) số 462/QSDĐ/Bình Chánh ngày 14/4/2001 (thửa 324, diện tích 4540 m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây ăn quả lâu năm) và GCN QSDĐ số 2781/QSDĐ/Bình Chánh ngày 12/10/2001 (thửa 325, diện tích 1533 m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây ăn quả lâu năm) cho bà Phạm Thị S.

Tháng 8/2018, tại khu đất này bà S tổ chức xây dựng 03 công trình với kết cấu: cột sắt, khung sắt, một phần mái tole, chưa làm vách. UBND xã C đã ra thông báo số 91/TB-UBND ngày 13/8/2018 yêu cầu ngừng thi công và tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng nhưng bà S không thực hiện theo nội dung thông báo, không tự tháo dỡ công trình theo yêu cầu của UBND xã C.

Do bà Phạm Thị S gửi đơn khiếu nại đến UBND Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị được xem xét chuyển mục đích và cấp phép xây dựng tại vị trí nêu trên. UBND xã C chưa tiến hành xử lý, chờ ý kiến của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm hiện tại, các cơ quan chuyên môn của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc, Sở Xây dựng) đã có văn bản trả lời với nội dung đề nghị của bà S là không đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, bà Phạm Thị S tổ chức thi công xây dựng công trình trên đất nông nghiệp (tự ý chuyển đổi mục đích từ đất nông nghiệp – đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp – đất sản xuất kinh doanh chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

Hiện trạng: Cột sắt, khung sắt, một phần mái tole, chưa làm vách tại một phần các thửa 324, 325 tờ bản đồ số 03 TL 02/CT-UB ấp 2 xã C, huyện B, tổng diện tích 4.086 m^2.

- Thời điểm vi phạm: tháng 8/2018.

Việc làm trên của bà Phạm Thị S vi phạm các quy định về đất đai quy định tại Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (viết tắt là Nghị định số 102/2014/NĐ-CP) đã bị Công chức địa chính xã C phát hiện lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 (viết tắt là Biên bản số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019) và Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020.

Nay bà Phạm Thị S khởi kiện yêu cầu tòa tuyên hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 và Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 và yêu cầu bồi thường thiệt hại, người bị kiện có các phản hồi như sau:

** Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 không có sự tham gia của người vi phạm, chưa được tống đạt, không cho thời hạn giải trình (05 ngày).*

- Về việc lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC không có sự tham gia của người vi phạm:

Căn cứ khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *"... trường hợp người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra vi phạm hoặc của 02 người chứng kiến".*

Biên bản số 03/BB-VPHC có chữ ký của 02 người làm chứng và đại diện chính quyền địa phương là hoàn toàn hợp lệ, đúng quy định pháp luật về lập biên bản vi phạm hành chính.

- Việc tống đạt Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC:

Căn cứ Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; UBND xã Bình đã giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho bà Phạm Thị S qua đường Bưu điện theo số Bưu phẩm EK763495165VN ngày 22/4/2019; căn cứ quy định tại điều này: *…Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.* Thư bảo đảm do

UBND xã C gửi cho bà Phạm Thị S không bị trả lại. Như vậy, bà Phạm Thị S đã nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã C. Đồng thời, UBND xã cũng thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở nơi vi phạm, chứng tỏ, việc thực hiện giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho người vi phạm hoàn toàn hợp lệ.

- Không có thời hạn giải trình (05 ngày):

Căn cứ khoản 1 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: *1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.* Như vậy, việc giải trình chỉ áp dụng với hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức, thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản. Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 không thuộc các trường hợp phải xem xét giải trình của người vi phạm.

Căn cứ khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: *1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.*

Do đó, ngày 17/4/2019, UBND xã lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC. Ngày 18/4/2019 Chủ tịch UBND xã ra Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC đối với bà Phạm Thị S.

+ Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP quy định về chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp thì hình thức và mức xử phạt như sau: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,5 héc ta;

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định về chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp thì biện pháp khắc phục hậu quả như sau: buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Các nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị S:

Nội dung khởi kiện thứ 1: Khiếu nại nội dung biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 của UBND xã C, không cho thời hạn giải trình 05 ngày.

+ Bà Phạm Thị S cho rằng: "Việc lập biên bản không có mặt của bà là không đúng quy định".

Căn cứ khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

"*... trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền địa phường nơi xảy ra vi phạm hoặc của 02 người chứng kiến*".

Biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 của UBND xã C có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra vi phạm và của 02 người chứng kiến.

+ Bà Phạm Thị S cho rằng: "Việc lập biên bản không được tống đạt cho bà S".

Lúc 10 giờ 00 phút ngày 18/4/2019, UBND xã đã tiến hành niêm yết biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 tại vị trí vi phạm, đồng thời đã gửi 01 bản của Biên bản trên qua đường bưu điện (Chuyển phát nhanh) cùng với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Số hiệu bưu gửi đảm bảo số EK 763495165VN ngày 22/4/2019).

Nội dung khởi kiện thứ 2: Bà Phạm Thị S cho rằng: " Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trước khi có văn bản giải quyết nội dung giải trình của bà là không đúng quy định".

Căn cứ khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

"1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều

61 của Luật này mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày."

Do đó, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 được Chủ tịch UBND xã C ban hành trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính là hoàn toàn hợp lệ, đúng quy định pháp luật.

** Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020.*

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP, trường hợp vi phạm của bà Phạm Thị S buộc phải khắc phục hậu quả được quy định tại điểm a khoản 3 điều này.

Căn cứ Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; UBND xã C đã giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho bà Phạm Thị S qua đường Bưu điện theo số Bưu phẩm EK763495165VN ngày 22/4/2019 không bị trả lại. Như vậy, bà Phạm Thị S đã nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã C. Đồng thời, UBND xã cũng thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở nơi vi phạm, chứng tỏ, việc thực hiện giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho người vi phạm hoàn toàn hợp lệ, đúng quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: *Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó;*

Căn cứ khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính: *1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.*

Trong thời hạn chấp hành quyết định, bà Phạm Thị S cố tình không thực hiện quyết định xử phạt vị phạm hành chính số 49/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND xã C.

Căn cứ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: *1. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 của Luật này.* 2… *d) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.*

Từ những cơ sở trên, Căn cứ Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi

phạm hành chính gây ra đối với bà Phạm Thị S là hoàn toàn đúng thẩm quyền, trình tự ban hành quyết định xử phạt được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

** Về nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại.*

Căn cứ khoản 1 Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017:

1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây:

a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này;

c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại.

Căn cứ khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước 2017: Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

1. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;

3. Áp dụng một trong các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính sau đây trái pháp luật:

a) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

Việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã C đối với hành vi vi phạm hành chính của bà Phạm Thị S là hoàn toàn đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật được quy định tại các Điều, khoản nêu trên nên không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Hành vi vi phạm hành chính của bà Phạm Thị S là hoàn toàn có cơ sở nhận định cố tình vi phạm, bởi lẽ: trước khi lập biên bản vi phạm và ban hành quyết định xử phạt, quyết định khắc phục hậu quả, UBND xã C đã ban hành Thông báo số 91/TB-UBND ngày 13/8/2018 yêu cầu ngừng thi công tháo dỡ công trình, đồng thời, bà Phạm Thị S có đơn gửi các cơ quan chuyên môn cấp Huyện và Thành phố đề nghị được xem xét chuyển mục đích và cấp phép xây dựng tại vị trí nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính các cơ quan chuyên môn *(*Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở xây dựng) đã có văn bản trả lời đề nghị của bà Phạm Thị S không đúng quy định pháp luật. Như vậy, bà Phạm Thị S nhận thức được hành vi của mình là trái quy định pháp luật như vẫn cố tình thực hiện hành vi.

Vì lẽ trên, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận và giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 về cưỡng

chế buộc khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã C đối với bà Phạm Thị S. Tuyên không công nhận yêu cầu bồi thường theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S – Chủ DNTN P trình bày:

Với vai trò là Chủ DNTN P thì bà khẳng định, thửa đất 324 và 325 bà đã đưa vào hoạt động kinh doanh của DNTN P từ rất lâu. Tài sản mà bà đã đầu tư vào 03 xưởng mà bị yêu cầu tháo dỡ là tài sản lấy từ nguồn kinh phí của Doanh nghiệp P. Do đó, bà chỉ mong Tòa án và cơ quan có thẩm quyền xem xét đúng bản chất của vấn đề, đối tượng đang sử dụng thửa đất 324, 325 là DNTN P, bà chỉ mong doanh nghiệp được yên ổn hoạt động để đóng góp vào lợi ích của địa phương.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị S đối với người bị kiện Chủ tịch UBND xã C về khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

1.1 Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị S.

1.2 Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị S.

1.3 Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại của người khởi kiện bà Phạm Thị S đối với người bị kiện Chủ tịch UBND xã C với số tiền 2.219.908.641 đồng (Hai tỷ hai trăm mười chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

1.4 Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-APBPKCTT ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 69 của Luật tố tụng hành chính: "Buộc Chủ tịch UBND xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị S".

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

-Ngày 11/5/2023, Người bị kiện nộp đơn kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính của bà S;

-Cùng ngày 11/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC, đề nghị sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính của bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày;

-Bà Phạm Thị S và Luật sư Bùi Quang Nđề nghị Tòa án bác kháng cáo, kháng nghị, xử y án sơ thẩm.

-Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tống đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Người bị kiện, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà S về yêu cầu hủy các quyết định hành chính bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị trong thời hạn luật định và Người bị kiện nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206, Điều 209 và Điều 213 Luật Tố tụng hành chính nên kháng nghị và kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2].Quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, người tham gia tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[3].Yêu cầu kháng cáo của Người bị kiện, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà S về yêu cầu hủy Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 và Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND xã C, huyện B.

[4].Xét về mặt hình thức, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Việc ban hành Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 và Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục pháp luật quy định.

[5].Xét Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019.

[5.1].Xét hành vi vi phạm hành chính được xác định tại Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019.

Các thửa đất số 324, 325 tờ bản đồ số 03 (TL 02/CT-UB) ấp 2 xã C, huyện B được UBND huyện B cấp GCN QSDĐ số 462/QSDĐ/Bình Chánh ngày 14/4/2001 (thửa 324, diện tích 4540 m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây ăn quả lâu năm) và GCN QSDĐ số 2781/QSDĐ/Bình Chánh ngày 12/10/2001 (thửa 325, diện tích 1533 m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây ăn quả lâu năm) cho bà Phạm Thị S.

Tháng 8/2018, tại khu đất này bà S đã cho xây dựng 03 công trình với kết cấu: cột sắt, khung sắt, một phần mái tole, chưa làm vách, tổng diện tích 4.086m^2, mục đích làm nhà xưởng phục vụ kinh doanh của DNTN P do bà Phạm Thị S làm chủ.

UBND xã C đã có Thông báo số 91/TB-UBND ngày 13/8/2018 yêu cầu ngừng thi công và tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng nhưng bà S không thực hiện theo nội dung thông báo, không tự tháo dỡ công trình theo yêu cầu của UBND xã C.

Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 xác định diện tích đất bị chuyển mục đích sử dụng khi chưa được sự chấp nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là 4.086m^2 trên 02 thửa đất 324 và 325, tờ bản đồ số 03 (TL 02/CT-UB) ấp 2 xã C, là diện tích xây dựng 3 công trình: Công trình 1: diện tích 1.171m^2 (19,5m x 60m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa lợp mái. Công trình 2: diện tích 1.200m^2 (20m x 60m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa hoàn thiện (một phần mái tôn). Công trình 3: diện tích 1.716 m^2 (926m x 66m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa lợp mái).

Kết quả xem xét tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện B vào ngày 27/10/2020 thể hiện bà S đã xây dựng 03 công trình trên 02 thửa đất số 324 và 325 nói trên.

Như vậy, bà S đã có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, cụ thể là chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất

rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP.

Chính vì lẽ đó, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 17/4/2019 đối với bà Phạm Thị S là đúng chủ thể vi phạm, đúng hành vi vi phạm, đúng hiện trạng, đúng quy định pháp luật.

[5.2].Xét nội dung Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 về "Xử phạt vi phạm hành chính" đối với bà Phạm Thị S.

[5.2.1].Đối với 2 thửa đất 324, 325 tờ bản đồ số 03 (TL 02/CT-UB) ấp 2 xã C, huyện B.

DNTN P do bà Phạm Thị S làm chủ được thành lập đăng ký lầu đầu là ngày 15/8/1996. Ngày 03/10/1998 giữa Doanh nghiệp và Sở địa chính – Nhà đất ký với nhau Hợp đồng thuê đất số 4553 đối với phần đất có diện tích 4.110m^2 thuộc thửa 919.

Năm 2001, bà Phạm Thị S hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa 324, 325 liền kề liên tiếp phía sau thửa 919.

Ngày 19/02/2003, DNTN P được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 620/UB-GCN, dự án khởi công tháng 12/2002, hoàn thành đưa vào hoạt động tháng 4/2003. Địa điểm thực hiện dự án "Đầu tư mở rộng xưởng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống (gỗ trạm trổ) được đặt tại số B15/4 Quốc lộ 1A, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích: 250m^2.

Năm 2012, DNTN P yêu cầu Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn Tài nguyên và Môi trường đo vẽ lập Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 29/3/2012 để đưa đất vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài liệu Bản đồ đã thể hiện: Bao quanh khuôn viên thửa đất 324, 325 là hiện trạng tường gạch, móng gạch, đất san lấp. Bà S tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định nhưng chưa được chấp nhận vì khu đất có vị trí thuộc quy hoạch giao thông và công viên cây xanh theo Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà S không chứng minh được đã đưa 2 thửa đất 324, 325 tờ bản đồ số 03 (TL 02/CT-UB) ấp 2 xã C vào nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh trên sổ sách kế toán, việc xây dựng công trình trên đất là chưa có Giấy phép xây dựng, không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

[5.2.2].Xét nội dung toàn bộ Biên bản ngày 13/8/2018 do UBND xã C lập với bà Phạm Thị S về xác định chủ đầu tư thực hiện việc xây dựng công trình trên đất đã thể hiện bà S xác nhận là chủ đầu tư xây dựng công trình.

[5.2.3].Xét thấy,

-Khoản 27 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *"Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật về dân sự, trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*".

-Khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nghĩa vụ của người sử dụng đất: *"Sử dụng đất đúng mục đích…"*.

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014:

-Điều 183 quy định *"Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp."*

-Khoản 2 Điều 36 quy định: *"Tài sản được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của chủ doanh nghiệp tư nhân không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp."*

-Khoản 3 Điều 185 quy định: *"Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp."*

[5.2.4].Theo phân tích tại mục [5.2.2] và [5.2.3] có cơ sở xác định chủ thể xây dựng công trình có tổng diện tích 4.086m^2 (gồm 03 công trình: Công trình 1: diện tích 1.171m^2 (19,5m x 60m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa lợp mái. Công trình 2: diện tích 1.200m^2 (20m x 60m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa hoàn thiện (một phần mái tôn). Công trình 3: diện tích 1.716 m^2 (926m x 66m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa lợp mái) là bà Phạm Thị S. Vì vậy, dù bà S xây dựng công trình bằng nguồn vốn đã đưa vào kinh doanh tại DNTN P hay chưa đưa vào kinh doanh cũng đều là tài sản của bà S, bà S phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xây dựng công trình không đúng quy định pháp luật cũng như việc chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật.

[5.2.5].Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 đối với bà Phạm Thị S về hành vi vi phạm hành chính *"Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp"* (diện tích 4.086 m^2), xử phạt tiền 1.500.000 đồng và buộc bà Phạm Thị S phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả *"Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm (tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất với tổng diện tích 4.086m^2 (gồm 03 công trình: Công trình 1: diện tích 1.171m^2 (19,5m x 60m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa lợp mái. Công trình 2: diện tích 1.200m^2 (20m x 60m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa hoàn thiện (một phần mái tôn). Công trình 3: diện tích 1.716 m^2 (926m x 66m); kết cấu: cột sắt, khung sắt, không vách, chưa lợp mái)"* là đúng pháp luật.

[6].Xét Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020.

Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 được ban hành để đảm bảo thi hành Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 đối với bà Phạm Thị S về nội dung cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Căn cứ khoản 2 Điều 68, khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Trong thời hạn chấp hành quyết định, bà Phạm Thị S cố tình không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND xã C.

Căn cứ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả *"Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP"* đối với bà Phạm Thị S là đúng pháp luật.

[7].Từ những phân tích tại mục [5] và mục [6], có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, xử hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện là không đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 và Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND xã C, huyện B đối với bà Phạm Thị S.

[8].Kháng cáo của Người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, được chấp nhận.

[9].Các nội dung khác không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[10].Án phí hành chính sơ thẩm: Sửa án phí hành chính sơ thẩm.

Bà S phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

[11].Án phí hành chính phúc thẩm: Do bản án hành chính sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp.

[12].Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 69 của Luật tố tụng hành chính: *"Buộc Chủ tịch UBND xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị S"* được hủy bỏ bởi Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 189/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2022/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau đây của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh:

-Quyết định số 49/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2019 về "Xử phạt vi phạm hành chính";

-Quyết định số 175/QĐ-CCXP ngày 09/6/2020 về "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

2.Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị S đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 2.219.908.641 (Hai tỷ hai trăm mười chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn sáu trăm bốn mươi mốt) đồng.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

3.1. Về chi phí tố tụng khác: Người khởi kiện bà Phạm Thị S tự nguyện chịu.

3.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị S phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0002184 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu số AA/2021/0041198 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được hủy bỏ theo Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm

thời số 189/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND huyện B, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
-Các đương sự;
-Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Bảo Nguyên

2022HCPT28687 1 000109 565218 11.07.2023 15:07
Phạm Thị Sâm